

## Giới thiệu và trích dẫn



*Lê Tấn Tài giới thiệu và trích dẫn:*

### Giới thiệu:

*Thơ ngỏ của tập san Nghiên Cứu Văn Hóa Đồng Nai & Cửu Long số 1 xác định chủ trương của nhóm: “Đồng Nai & Cửu Long là vùng đất mới, còn gọi là Nam Kỳ Lục Tỉnh, hay Nam Bộ, có lịch sử gần 400 năm, là vùng đất của nhóm lưu dân tới sinh cơ lập nghiệp, với nếp sống tương đối khác biệt với nếp sống của vùng đất cũ của Thăng Long hay Thuận Hóa.*

*Có thể nói, Đồng Nai & Cửu Long có một nền văn hóa đặc thù, rất ít được đề cập đến trong sách vở, nếu có thì nhiều khi dưới cái nhìn phiến diện, không chính xác... Nghiên cứu văn hóa vùng đất mới, vùng Đồng Nai & Cửu Long, là một việc làm đòi hỏi nhiều nỗ lực, kiên nhẫn của nhiều người... Việc nghiên cứu không có mục đích đánh bóng, thêu dệt về vùng đất này, mà chỉ tìm cách trả lại cho Đồng Nai & Cửu Long những gì thuộc về nó, đúng với giá trị của nó. Đây không phải là phân biệt, chia rẽ, kỳ thị, mà chỉ là chấp nhận sự thật về sự hiện hữu của một nền văn hóa khác biệt với nền văn hóa cổ, để thấy tinh thần văn hóa đa nguyên, để hợp tác, xây dựng và tiến bộ.”*

*Để trình bày sự bất công của các nhà làm văn học sử đối với mảng văn học Nam Kỳ Lục Tỉnh, xin trân trọng giới thiệu và trích dẫn “Một mảng văn học bị bỏ quên, bỏ qua” của giáo sư Nguyễn Văn Trung, nguyên là giáo sư và Khoa Trưởng Đại Học Văn Khoa Sài Gòn trước năm 1975. Bài viết này là chương mở đầu của tác phẩm biên khảo về Nam Kỳ Lục Tỉnh “Lục Châu Học” đăng trên trang mạng “Nam Kỳ Lục Tỉnh” (<http://namkyluctinh.org/>) do các ông Lâm Văn Bé, Trần Quang Minh, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Vy Khanh và Nguyễn Tuấn Khanh, Canada, chủ trương. Bài viết khá dài, nhưng số trang của tập san Đồng Nai & Cửu Long có giới hạn, nên chỉ trích dẫn một số nhận định chánh của tác giả.*

*Giáo sư Nguyễn Văn Trung ghi nhận sự bất công của các nhà làm văn học sử đối với mảng văn học Nam Kỳ Lục Tỉnh, xin trích dẫn như sau:*

*“Những ai hiểu biết ít nhiều về văn học Việt Nam thời hiện đại có lẽ ngạc nhiên khi nghe nói đến văn học bằng quốc ngữ ở miền Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, khoảng 1865 đến 1930, và thốt ra: Ủa, có thực sao? Vì cho đến nay trong những sách báo viết về văn học sử mà chúng tôi đọc được, hầu hết đều chỉ nói phớt qua hai người: Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, bỏ qua Trương Minh Ký, ba người có sinh hoạt văn học vào những năm 1875..., sau đó nói đến Đông Hồ và Hồ Biểu Chánh. Họ hẳn mới có người nhắc đến tên ông Nguyễn Chánh Sắt. Có thể thôi. Vậy có*

một sự kiện là: mảng văn học này bị bỏ quên vì không biết hay bị bỏ qua vì bị phủ nhận. Do đó, nói tới thời kỳ này, trong tất cả các mặt sinh hoạt văn học: dịch chữ Hán, chữ Nôm, Pháp văn ra quốc ngữ, biên khảo văn học, phong tục, lịch sử, khoa học, sách giáo khoa, sáng tác thơ, văn xuôi, đặc biệt các thể văn tiểu thuyết, theo lối phương Tây v.v... trên báo chí, sách biên khảo cũng như ở lớp học, chúng ta chỉ được nghe nói đến những tên: Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Đỗ Mục, Phan Kế Bính, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Bá Trác, Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim, Hoàng Ngọc Phách v.v... cụ thể là những người cộng tác với "Đông Dương tạp chí" và "Nam Phong". Thực ra chỉ hai tờ báo này được biết đến nhiều hơn cả hoặc được đề cao hay bị đả kích. Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu một số những chứng từ bày tỏ sự kiện mảng văn học kể trên ở miền Nam bị bỏ quên.

### a) Những tác giả gốc Bắc, Trung viết về văn học tại miền Bắc:

Ba người có thể coi là ảnh hưởng chính trong việc tạo ra lối nhìn bỏ quên mảng văn học này.

**DƯƠNG QUẢNG HÀM:** Trong *Việt Nam văn học sử yếu* (1), chương IV "*Văn xuôi mới của ta, như chương ba đã nói, sở dĩ thành lập được một phần lớn nhờ báo chí. Trong các nhà viết báo có công lúc buổi đầu phải kể đến Nguyễn Văn Vĩnh và ông Phạm Quỳnh*" (trang 414).

Về văn dịch, Dương Quảng Hàm viết: "Dịch các tác phẩm về loại cổ điển. Khi người nước ta đã biết trọng quốc văn và muốn lấy quốc văn làm lợi khí để truyền bá học thuật, thì các nhà cựu học dịch các bài cổ văn (Phan Kế Bính trong *Đông Dương Tạp chí* và các sách Kinh truyện của Tàu (bản dịch Kinh Thi), quyển thứ nhất của các ông Nguyễn Khắc Hiếu, Nghiêm Thượng Văn và Đặng Đức Tô, Hà Nội, Nghiên Hàm ấn quán 1924; bản Trung Dung của hai ông Hà Tứ Vi và Nguyễn Văn Dạng; các nhà Hán học lại dịch các thơ văn và sách vở viết bằng chữ Nho của các cụ ta ngày xưa (bản dịch Đại Nam liệt truyện của Phan Kế Bính D.D.T.C... đồng thời, các nhà Tây học cũng dịch các đoạn văn và các tiểu thuyết kịch bản thuộc về nền văn cổ điển của nước Pháp, các ông Phạm Duy Tốn, Nguyễn Văn Tố trong Đ.D.T.C. Nguyễn Văn Vĩnh trong bộ *Âu Tây tư tưởng*; Phạm Quỳnh trong N.P.T.C."

Trong Chương 7, nói về các văn gia hiện đại, ông cũng chỉ giới thiệu các tác giả miền Bắc, trừ Đông Hồ.

**VŨ NGỌC PHAN:** Trong bộ "*Nhà văn hiện đại*" (nhà in Tân Dân, Hà Nội - 1942). Quyển nhất: những nhà văn hồi mới có chữ quốc ngữ, tác giả chỉ nói đến Trương Vĩnh Ký, bỏ qua Huỳnh Tịnh Của, Trương Minh Ký, rồi giới thiệu các tác giả viết trong *Đông Dương Tạp Chí* và *Nam Phong* (Phan Kế Bính, Nguyễn Đỗ Mục, Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Trọng Thuật...) và Đông Hồ, Trương Phó.

"*Quốc văn bắt đầu thịnh, bắt đầu có cái giọng hoa mỹ, dồi dào, và chú trọng về tư tưởng, là công các nhà biên tập hai tờ tạp chí ở Bắc Hà: Đông Dương tạp chí và Nam Phong tạp chí*".

- Nói về thể văn truyện ngắn theo lối Âu Tây, Vũ Ngọc Phan khẳng định Phạm Duy Tốn là người đi trước nhất.

- Còn *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách cũng là cuốn tiểu thuyết đầu tiên được chú ý.

Hoài Thanh, Hoài Chân trong *Thi Nhân Việt Nam* (nhà in Thụy Ký, Hà Nội, 1942), 45 thi sĩ được coi là những nhà thơ hiện đại làm thơ mới, chỉ có hai người ở miền Nam được nói đến: Đông Hồ và Mộng Tuyết. Trong bài nói đầu: một thời đại trong thi ca, Hoài Thanh và Hoài Chân nhìn nhận Nguyễn Thị Kiêm, một người đã diễn thuyết cổ võ cho thơ mới ở miền Nam hồi 1933 là một nữ sĩ có tài, có gan này không được giới thiệu trong số 45 thi sĩ hiện đại mà nhiều người trong số 45 đó ngày nay đã hoàn toàn bị bỏ rơi vào quên lãng.

**ĐÀO ĐĂNG VỸ:** *Lịch trình tiến hóa của văn học và tư tưởng Việt Nam hiện đại (1865-1946)*

... Năm 1948, Đào Đăng Vỹ diễn thuyết ở Huế (18-7) và ở Saigon (2, 17-10-1948) bằng tiếng Pháp về "lịch trình tiến hóa của văn học và tư tưởng Việt Nam hiện đại (1865-1946)", chúng tôi chỉ có bản tiếng Pháp (2) lập lại luận điểm đã nói trong *Patrie annamite* có kể tên các báo *Nông Cổ mìn*

đàm, Nhựt báo Tỉnh, Lục tỉnh Tân văn, Đông Dương tạp chí, Trung Bắc Tân văn, Nam Phong, rồi chỉ giới thiệu các người viết trong tờ sau ở Bắc Kỳ.

\* Trần Văn Giáp, Nguyễn Tường Phượng, Nguyễn Văn Phú, Tạ Phong Châu: *Lược truyện các tác giả Việt Nam* tập II (nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972). Nghiêm Toàn đã lưu tâm, nhưng còn rất mơ hồ. Đến các tác giả bộ *Lược truyện...*, sự thận trọng rõ rệt hơn. Chẳng hạn về văn xuôi, trước hết đã phát hiện một tiểu thuyết bằng văn xuôi, chữ nôm, vô danh, không biết được sáng tác tự bao giờ, nhan đề "Trần Đại Lang" được Hồ Văn Đoàn dịch ra tiếng Pháp trên tạp chí *Revue Indochinoise* 1905.

Còn về tiểu thuyết bằng chữ quốc ngữ, nhắc đến cuốn tiểu thuyết viết theo lối mới "*Cuộc tang thương*" của Đặng Trần Phát (nhà in Vĩnh Thành, 1923, Hà Nội) nghĩa là viết và in trước *Tổ Tâm*. "*Cuộc tang thương*" viết năm 1922 và xuất bản năm 1923, trước *Tổ Tâm* của Hoàng Ngọc Phách (xuất bản năm 1925). Cuốn tiểu thuyết "*Cành lê điểm tuyết*" của Đặng Trần Phát, cũng là một tiểu thuyết lãng mạn nhưng lại viết trước "*Cuộc tang thương*".

Vì không biết, muốn tìm hiểu cũng chưa có điều kiện, nên các tác giả kê trên chỉ kê khai một số tác phẩm của Nguyễn Chánh Sắt là tác giả duy nhất biết được.

Có lẽ sự thận trọng dè dặt của nhóm ông Trần Văn Giáp không được chú ý đến, nên dư luận nói chung khi đề cập đến văn xuôi, tiểu thuyết thời kỳ này, cho đến nay vẫn nhắc lại luận điểm của các ông Dương Quảng Hàm, Vũ Ngọc Phan.

\* Phan Cự Đệ: *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại* tập I. Nhà xuất bản Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội 1974 chương I. Những khuynh hướng tiểu thuyết trước 1930 và những mầm mống đầu tiên của một nền tiểu thuyết mới.

"Từ năm 1925 bắt đầu xuất hiện những cuốn tiểu thuyết quốc ngữ đầu tiên: *Tổ Tâm* của Hoàng Ngọc Phách, *Quả dưa đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật, *Kim Anh lệ sử* của Trọng Khiêm, *Cay đắng mùi đời*, *Tiền bạc*, *bạc tiền* (1926) của Hồ Biểu Chánh, *Nho Phong* (1926) của Nguyễn Tường Tam..."

Về miền Nam, chỉ có hai người được nói đến: Phú Đức và Hồ Biểu Chánh. Riêng Phú Đức chỉ được nhắc đến tên mà thôi.

## b) Những tác giả ngoại quốc

Những tác giả Việt Nam ở nước ngoài hay tác giả người nước ngoài mà chúng tôi được đọc, viết về văn học sử Việt Nam thường cũng chỉ dựa vào dư luận của các nhà văn học phê bình Việt Nam.

\* *Le roman Vietnamien contemporain. Tendances et évolution du roman vietnamien contemporain (1925-1945)* Bùi Xuân Bào (Tủ sách Nhân văn xã hội, Saigon 1972). Đây là luận án phụ Tiến sĩ văn chương mà ông Bào trình ở Sorbonne năm 1961.

"Năm 1925 được đánh dấu bằng việc xuất bản hai tuyệt tác chứng tỏ sự thắng thế của tiểu thuyết hiện đại: *Tổ Tâm* của Hoàng Ngọc Phách và *Quả dưa đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật... Lần đầu tiên, một nhà nho thuộc trường phái cũ viết một tiểu thuyết bằng quốc ngữ và văn xuôi bằng cách thử sử dụng những điều hiểu biết về nghệ thuật tiểu thuyết Tây Phương vào việc biện minh cho một luận điểm mình yêu thích. Cũng lần đầu tiên một nhà văn trẻ được đào tạo theo lối Pháp vẽ lên một đối nghịch tử thù giữa những khát vọng cao siêu nhất của con người và đạo đức cũ: ảnh hưởng của phái lãng mạn Âu Châu được dịp giải tỏa những xu hướng tình cảm bị nho giáo ức chế từ nhiều thế kỷ". (trang 36 và 48-49, Chương sự khai sinh tiểu thuyết hiện đại)

\* Introduction à la littérature vietnamienne. M. Durand et Nguyễn Trần Huân (3). Đây là cuốn giới thiệu văn chương Việt Nam và thế giới trong khuôn khổ UNESCO do một người chuyên văn hóa Việt Nam phụ trách, M. Durand. Khi nói về tiểu thuyết Việt Nam hiện đại, hai tác giả viết: "*Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại hiểu theo quan niệm Âu Châu, chỉ bắt đầu thấy xuất hiện từ thế chiến lần thứ nhất khi những truyện ngắn của Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học, Phan Kế Bính, ra mắt trên Đông Dương tạp chí và Nam Phong tạp chí*".

Ở miền Nam, những truyện Tàu có được dịch ra như Phong Thần, Tam Quốc, Đông Châu liệt quốc. Rồi khuôn mặt của Hồ Biểu Chánh nổi bật trong những năm 1912 với những tác phẩm bình dân của ông. Như thế là tiểu thuyết hiện đại khai sinh ở miền Nam nhưng những truyện của Hồ Biểu Chánh chỉ được biết đến ở Nam Kỳ, còn độc giả ở Bắc hoàn toàn không biết tới. Phải đợi đến năm 1925 khi "Quả dưa đỏ" của Nguyễn Trọng Thuật và "Tổ Tâm" của Hoàng Ngọc Phách được in ra, tiểu thuyết mới có một tiếng vang trong toàn quốc (155-156).

Ngoài việc tiết lộ một bức thư riêng của Nguyễn Tiến Lãng cho biết ý kiến của ông Lãng coi "Giác mộng con" mà ông đề tựa in năm 1916 là tiểu thuyết Việt Nam đầu tiên, ông Nguyễn Trần Huân vẫn giữ luận điểm của ông đã viết ra trong Introduction à la Littérature coi "Tổ Tâm" là "tiểu thuyết đích thực" (le vrai roman) và có một "tiếng vang cả nước" (retentissement national) cùng với "Quả dưa đỏ" mặc dầu truyện này có nhiều khuyết điểm và vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề văn chương Trung Hoa, trái lại Tổ Tâm chịu ảnh hưởng văn chương Pháp (cuốn La Dame aux Camélias) và ông kết luận bằng khẳng định: "*Thực tế có thể coi năm 1925 là năm khai sinh tiểu thuyết Việt Nam*". Điều đáng lưu ý là ông Nguyễn Trần Huân đã nêu lên trong bài là "*Vấn đề đặt ra cả ở miền Bắc và miền Nam là tìm xem cuốn tiểu thuyết nào kể như cuốn truyện được mọi người nhìn nhận là tiểu thuyết hiện đại cho đến nay vẫn chưa được giải quyết*" và ông đã biết giả thuyết của nhóm ông Trần Văn Giáp, Nguyễn Tường Phụng về cuốn tiểu thuyết đầu tiên có ở miền Nam vào quãng 1872 có lẽ là cuốn Trần Đại Lang, ông cũng đã nhắc đến cuốn "U tình lục" của Hồ Biểu Chánh (1913) (thực ra cuốn này là thơ truyện giống các truyện nôm khác nhưng không thấy ông có ý tìm kiếm ở miền Nam xem có gì khác ngoài "Trần Đại Lang", Hồ Biểu Chánh, và vẫn tiếp tục giới thiệu các tác giả miền Bắc, giữ nguyên luận điểm cũ.

\* Văn học Việt Nam giản lược. Moskva - 1971 - VI Nikulin (bản tiếng Nga). Tác giả Nga thận trọng nên chỉ thuật lại theo các nhà nghiên cứu Việt Nam.

### **c) Những tác giả gốc Bắc làm văn học ở Miền Nam**

Những người ở miền Bắc bỏ quên mảng văn học này nếu chỉ vì không biết là điều hiểu được, nhưng có những người vào Nam, sinh sống hẳn trong này lâu lắm, làm báo, giảng dạy văn học ở các trường, viết sách văn học, mà cũng bỏ quên không biết đến vì một quan điểm văn học.

\* Phê bình và cáo luận (Critique de la Littérature moderne et quelques essais littéraires). Soạn giả Thiều Sơn in lần thứ nhất có 12 bức hình. Văn học tùng thư (Editions Nam Ký, Hanoi, 1933).

Thiều Sơn vào Saigon làm báo, tiểu thuyết, sau gom lại in thành tuyển tập "Phê bình và cáo luận". Trong số 12 bài phê bình nhân vật và sách chỉ có một người miền Nam duy nhất được nói tới là Hồ Biểu Chánh. Vào miền Nam, ở miền Nam, nhưng nói, viết, vẫn hướng về miền Bắc, lấy tiêu chuẩn văn học miền Bắc (đối với Thiều Sơn lúc đó là Nam Phong) và sau cùng, ra sách cũng gửi về Bắc in.

Tiếp theo sau Thiều Sơn, hàng loạt những nhà văn, nhà báo, nhà giáo vào Nam hồi 1954 cũng vẫn viết báo, in sách, giảng dạy văn học sử Việt Nam bỏ quên hoặc bỏ qua mảng văn chương kê trên ở miền Nam, nhắc lại những luận điểm của Vũ Ngọc Phan, Dương Quảng Hàm...

\* Chẳng hạn Phạm Thế Ngũ trong "Việt Nam văn học sử giản lược tân biên, tập 3, văn học hiện đại 1862-1945" (Quốc học tùng thư, Saigon, 1965). Tập ba có 661 trang trừ hai chục trang dành cho "Buổi đầu của văn quốc ngữ" với Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của và 13 trang dành cho Hồ Biểu Chánh, còn lại toàn dành cho văn học miền Bắc. Chỉ mình nhóm Đông Dương tạp chí và Nam Phong chiếm trên 300 trang.

Riêng về tiểu thuyết cũng khẳng định những Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn là những người tiên phong viết truyện ngắn và Nguyễn Trọng Thuật, Hoàng Ngọc Phách là những người viết truyện dài thành công đầu tiên.

\* Văn học sử thời kháng Pháp (1858-1945). Lê Văn Siêu 400 trang (Trí Đăng, Saigon, 1974).

Viết về thời kỳ đầu thế kỷ XX, cũng chỉ đề cao nhóm Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh. Còn miền Nam, chỉ có mấy người dịch truyện Tàu, chỉ để giải trí, không có giá trị văn chương (trang 139).

\* Bảng lược đồ văn học quyển ba, Thanh Lăng. Ba thể hệ của nền văn học mới (1862-1945). Nhà XB Trình Bày Saigon 1967. Sách gồm trên 800 trang. Phần văn học thể hệ 1862 (1862-1913) 159 trang, chỉ có 10 trang nói về Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của và 10 trang về Phan Thanh Giản, Phan Văn Trị, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Văn Giai, Nguyễn Đình Chiểu.

Phần văn học thể hệ 1913 (1913-1932) chỉ có 8 trang dành cho Hồ Biểu Chánh, còn trên 400 trang giới thiệu nhóm Đông Dương tạp chí và Nam Phong.

\* Lược sử tiểu thuyết Việt Nam. Tạp chí Thời Tập số II ngày 18-9-1974 do Viên Linh chủ trương. Saigon khởi đăng loạt bài của Lê Duy Oanh, gốc Bắc như người chủ trương, về Hoàng Ngọc Phách, Nhất Linh, Ngô Tất Tố, Hồ Biểu Chánh khi nói về tiểu thuyết thời tiền chiến cũng giữ một luận điệu đã trở thành hầu như hiển nhiên.

#### **d) Chính nhà văn người miền Nam phủ nhận và bỏ qua:**

Một vài nhà văn, thơ trong nhóm Đông Hồ đã phủ nhận văn chương ở miền Nam thời kỳ này nên bỏ qua, không nhắc đến ngay cả Hồ Biểu Chánh, vì họ chọn tiêu chuẩn làm văn chương là Nam Phong và lấy Nam Phong làm diễn đàn, và cũng chính vì thế mà từ thời đó cho đến nay, họ được biết đến, nghĩa là được các nhà viết văn học sử gốc miền Bắc công nhận.

Văn học miền Nam. Văn học Hà Tiên? Chiêu Anh Các, Hà Tiên thập cảnh, Khúc vịnh. Đông Hồ (4). Nội dung cuốn sách là những khóa giảng ở Đại học Văn khoa những năm 1966-1969. Đông Hồ chỉ nói đến văn chương chữ nôm, chữ Hán mà thôi, không nói gì đến văn chương chữ quốc ngữ, vì chỉ có văn chương của nhóm Trí Đức học xá mới là văn chương, nhưng chả nhẽ Đông Hồ lại nói về mình: Dĩ nhiên Đông Hồ có nói những lý do phủ nhận bỏ qua văn chương thời kỳ này ở miền Nam ngay từ thời ấy ở báo "Sống" (1935) và ở các báo khác sau này (như số Văn, tưởng niệm Hồ Biểu Chánh, số 8 ngày 15/8/67).

Nhưng độc giả miền Nam lại coi nhóm Đông Hồ như những đứa con hoang. Trong chỗ riêng tư, ông Vương Hồng Sển thường nói đùa: "*Đông Hồ là nhà văn Bắc Kỳ*".

... Hơn 30 năm sau, Đông Hồ mới nói rõ lý do tại sao nhóm ông phủ nhận văn chương ở miền Nam thời đầu thế kỷ trong bài: "Hồ Biểu Chánh, nhà văn bạch thoại miền Nam" (6). Đông Hồ kể lại sau khi Trúc Hà viết bài "Lược khảo..." ít lâu, ông lên Saigon gặp Thiệu Sơn và nghe Thiệu Sơn trách tại sao "Chúng tôi biên khảo về tiểu thuyết mà lại bỏ quên, không đề cập đến một nhà văn tiểu thuyết lớn trong Nam là Hồ Biểu Chánh". Đông Hồ trả lời: "Bài biên khảo đó như nhan bài đã nêu, Trúc Hà chỉ nhìn một phương diện văn chương, chỉ theo dõi sự tiến hóa và phát triển của văn chương quốc ngữ trong lối viết chữ quốc ngữ mà thôi, chứ không phải là một bài biên khảo về tiểu thuyết toàn diện". Theo câu trả lời của tôi lúc đó, đủ chứng tỏ rằng Trúc Hà và tôi không nhận thấy trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh có "văn chương". Đã không thấy trong đó có văn chương thì có thấy đâu trong đó có sự tiến hóa của quốc ngữ mà nêu ra vấn đề...

Đông Hồ thú nhận, đọc Hồ Biểu Chánh phải nhận ông tả đúng đời sống xã hội của Nam Kỳ Lục Tỉnh... nhưng "*đọc thì cũng đọc, thích thì cũng thích, duy chúng tôi cứ không chịu được lời văn viết trơn tru, thẳng tuột, hời hợt của ông. Thời kỳ đó, theo quan niệm của chúng tôi, viết là làm văn chương mà văn chương thì phải sửa sang gọt dũa, phải điều luyện chải chuốt. Đâu là tả thực, đâu là tả chân, câu văn cũng phải xếp đặt lại hơn ngôn ngữ thường dân. Tối thiểu phải có một kỹ thuật... Tôi không chịu được văn chương của Hồ Biểu Chánh. Như tôi bây giờ vẫn không chịu nổi văn chương hát cải lương với văn chương của những tiểu thuyết "chương" hiện đang thịnh hành. Trong lúc đó thì mọi người chung quanh tôi hoan nghênh nồng nhiệt. Như vậy chứng tỏ rằng quan niệm của tôi sai lầm và cảm quan của tôi lệch lạc. Bởi tôi đã bị thành kiến chi phối và bị truyền thống bó buộc chưa cởi mở được.*"

Mảng văn học này bị bỏ quên vì không được biết đến. Không được biết đến có thể vì không có mà đọc. Sống ở miền Bắc và ngay sống ở miền Nam, kiếm một bộ Nam Phong thật không khó gì, các thư viện công đều có, thư viện tư nhiều người cũng có, lại có cả bộ Mục lục đầy đủ đã in ra để tra cứu, nhưng không dễ gì kiếm ra vài số Lục tinh tân văn, Nông cổ mìn đàm. Trầm trọng hơn, có mà không đọc hoặc ngay cả đọc mà có thiên kiến này nọ thì dù ở xa hay ở gần, đều không thấy

gì cả; hoặc chỉ thấy điều mình muốn thấy, nghĩa là những điều đúng theo định kiến... Thực tế hay sự thực như tấm màn chỉ vén lên mở ra, mặc khải trước những cái nhìn sẵn sàng, vô tư và thiện cảm - nếu không, nó vẫn khép kín, không buông xuống. Người ta không ưa thích cái lương vọng cổ vì định kiến này họ không bao giờ thấy được cái hay của cái lương, cảm được cái mùi của vọng cổ...

Kể ra có nhiều thiên kiến lắm. Chẳng hạn: Gia Định báo à? Rất đáng tin thông cáo của nhà nước thì có gì lý thú, hay ho mà đọc! Hoặc Nông Cổ mìn đàm, Lục tinh tân văn, đó là những tờ báo cổ võ việc làm ăn buôn bán, pha chút văn thơ, đâu phải những tờ báo văn học nghệ thuật, hiểu theo nghĩa "thuần túy văn học nghệ thuật". Truyện xuất bản nhiều đấy, bán chạy như tôm tươi nhưng hầu hết là thứ truyện Tàu phỏng dịch nhảm nhí, "chỉ để giải trí không có giá trị văn chương" (Lê Văn Siêu). Còn tiểu thuyết gọi là hiện đại, lấy đề tài Việt Nam thì hoặc là viết theo lối trơn tuột, chẳng có chải chuốt gì, nôm na, thô kệch hoặc sai bét về chính tả, làm sao gọi được là văn chương...

### e) **Viết sai chính tả - Vụ Phan Khôi.**

Trước Vũ Ngọc Phan, Phạm Thế Ngũ, Phan Khôi đã chê trách lối viết sai bét chính tả ngay từ hồi 1929 - 1930 trên Phụ nữ tân văn.

*"... Chữ quốc ngữ phát nguyên từ miền Bắc, nhưng kể ra người Annam ta bắt đầu thông dụng nó, học tập nó, làm sách vở bằng nó, thì lại từ miền Nam, tức là Nam Kỳ.*

*Chữ quốc ngữ hồi đầu chỉ có tín đồ đạo Thiên Chúa dùng mà thôi. Họ lấy nó mà dịch kinh, dịch sách rồi đem dạy trong các nhà trường của họ. Sự đó suốt từ Bắc chí Nam như nhau, không khác; nghĩa là trong dân Annam thì người có đạo Thiên Chúa dùng chữ quốc ngữ trước hết thấy; mà họ lại dùng theo y một lối? Bắc phải theo sự đúng của Nam; Nam phải theo sự đúng của Bắc, từ đó cho đến bây giờ.*

*- "Kể cái công tập tành chữ quốc ngữ, cho quen và rải nó cho một ngày một rộng ra, ấy là phải kể cho xứ Nam Kỳ.*

*Tôi muốn nói xứ Nam Kỳ là thầy dạy chữ quốc ngữ cho cả xứ và dân Annam cũng không phải là quá đáng... Mà là thầy thật. Hồi đó có hai ông đại sư về quốc ngữ, là ông Trương Vĩnh Ký và ông Paulus Của, tức là Huỳnh Tịnh Trai. Vì mỗi ông có làm ra một bộ tự vị tiếng Annam. Các ông cũng là học trò trường bên Đạo mà ra, cho nên các ông viết chữ quốc ngữ y như người bên đạo, nghĩa là viết đúng."*

### f) **Văn nghệ miền Nam không có quá khứ**

Hồi năm 1954, một đợt người Bắc khác vào lập nghiệp sinh sống ở miền Nam. Sau 45 năm vụ Phạm Duy Tôn, lại có người viết văn gốc Bắc phủ nhận văn nghệ miền Nam. Trần Thanh Hiệp, luật sư, nhà lý luận văn học của nhóm "Sáng tạo" chủ trương thơ tự do, quy tụ những người viết văn gốc miền Bắc đã nói chuyện ở Câu lạc bộ văn hóa đường Tự do, do Phạm Xuân Thái, cũng người miền Bắc, quản lý, về "Viễn tượng văn nghệ miền Nam" ngày 12-8-1960. Trong bài nói chuyện, có chỗ ông khẳng định *"Văn nghệ miền Nam không có quá khứ"*. Bài nói chuyện đã gây nhiều phản ứng thời đó. Hình như bài nói chuyện trên không đăng trên báo nào, chúng tôi trích dẫn mấy đoạn ghi phản ứng của Nguyễn Phú đăng trong tạp chí Bách khoa số 88 ngày 1-9-1960, trang 96-99.

*"Lập luận như thế là tách rời miền Nam khỏi cái truyền thống tinh thần dân tộc, phủ nhận tất cả giá trị văn học, cổ truyền bao gồm cả nền văn chương bác học và nền văn chương bình dân, cô lập miền Nam thành một thế giới riêng biệt không có lịch sử. Dầu cố ý hay vô tình, một lập luận như thế - ngoài cái tính chất nông nổi còn có một ý nghĩa ngược lại đối với cái nguyện vọng chung của dân tộc là thống nhất đất nước. Người ta suy nghĩ rằng ông Trần Thanh Hiệp không hiểu thế nào là miền Nam và thế nào là quá khứ. Thực sự, việc chối từ đó không chỉ là vì nhận xét nông cạn, không chỉ là quan trọng hóa việc làm của mình mà còn có những tác dụng thỏa mãn những nhu cầu tâm lý phức tạp khác nữa. Cho nên ông Hiệp lại còn tỏ ra hoan hỉ trước một hiện tượng như vậy. Ông nói: "Không có quá khứ là điều đáng tiếc, nhưng có may mắn là tiến mau lạ!" Tóm lại qua lập luận ấy, người ta càng thấy ông Trần Thanh Hiệp không rõ chút gì về cái thực tế miền Nam mà ông đang tìm viễn tượng. Hình như về phương diện địa lý, ông không quan niệm rõ ranh giới miền Nam*

từ đâu giáp tiếp đến đâu, dân số gồm những ai và trong cốt cách tinh thần của họ văn nghệ dân tộc đã nếp dáng thế nào. Ngoài những áng cổ văn góp phần tạo nên phong thái trí thức của họ, còn câu hò câu hát, những điệu tuồng chèo, những hơi vọng cổ, bao nhiêu hình thái dân ca mang tự bình nguyên Nhị Hà và văng lên từ bờ Cửu Long góp phần xây dựng vốn liếng tình cảm của họ, ông cũng có tình không thấy.

Người ta có cảm tưởng rằng về văn nghệ, hình như ông Trần Thanh Hiệp chỉ thấy có ông và vài ba người bạn thân của ông cộng thêm một ít bài thơ tự do mà chỉ một số ít người trong nhóm ca ngợi cùng nhau và trong số người ca ngợi cũng vẫn có người tỏ ra mình chẳng hiểu rõ thơ ấy nói gì.

Chẳng trách đến khi có người nghe nhắc nhở cho ông Hiệp nhớ đến các cụ Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị... thì ông thấy ông Hiệp gật đầu. Nên chẳng ông cũng gật đầu!"

\* Tam Lang, trong một bài nói chuyện với sinh viên đại học Văn khoa Saigon về cuộc đời làm văn, làm báo của mình, đoạn nói về thời kỳ vào Nam làm báo, đến xin việc một tòa báo đã bị từ chối với lý do báo Nam Kỳ không xài dân Bắc, vì 99% độc giả là người miền Nam, nghĩa là không xài ký giả gốc Bắc. Nếu Tam Lang được biết Lê Hoàng Mưu là người đã bị "Phạm Duy Tôn châm chít" thế nào hồi 1915 thì ông đã dễ chấp nhận hơn sự thất vọng của mình.

"Chân ướt chân ráo đến Saigon, sau khi hỏi thăm đường lối của "Hòn Ngọc Viễn Đông" chúng tôi xách cả khăn gói valy cuốc bộ đến chủ nhiệm là ông Nguyễn Văn Của (tức là Huyện Của) không có mặt, người tiếp chúng tôi là ông Lê Hoàng Mưu, chủ bút. Về niềm nở của ông đem lại cho chúng tôi hy vọng phen này đạt được chí lớn, nhưng ngay sau khi đó 10 phút, chúng tôi thất vọng, khi ông cho biết: báo Nam Kỳ không xài dân Bắc vì 99% độc giả là người miền Nam" (8)

\* "Đồng bằng sông Cửu Long - 40 năm" - Trần Bạch Đằng, Nhân Dân số 12-9-1985

Trong loạt bài kiểm điểm này (đăng từ 9 đến 15-9-1985) chỗ nói về văn hóa, ông Trần Bạch Đằng đã viết: "Một vài nhà nghiên cứu đã đi đến kết luận sai lầm về trình độ văn hóa đồng bằng sông Cửu Long, chẳng hạn cho rằng vùng đất này không có truyền thống văn hóa". Ông Trần Bạch Đằng không nói rõ những nhà nghiên cứu kể trên là ai, phần chúng tôi có đọc lác đác đâu đó một số ý như: Lớp người đầu tiên đến vùng này là nông dân, lính thú nên "cái vốn chữ nghĩa của họ không đầy đặn là điều tất nhiên. Trên vùng đất mới, người hay chữ ít hoặc không có, thiếu trường học, sinh hoạt văn hóa khác cũng giản đơn"...

## **Kết luận của giáo sư Nguyễn Văn Trung:**

"Qua những chứng từ trích dẫn kể trên, ai nấy đều thấy việc nhận định, đánh giá văn học, văn hóa miền Nam của những người miền Bắc và phản ứng của những người miền Nam từ 1916 (vụ Phạm Duy Tôn, cụ thể xảy ra những vụ sớm hơn nữa, mà chúng tôi chưa tìm ra) đến 1985 vẫn giống nhau. Điều đó cũng cho thấy những thái độ văn hóa này không tùy thuộc các thế hệ, các ý thức hệ, tư tưởng, thể chế chính trị... nhưng bị quy định bởi những yếu tố mà chúng tôi gọi là yếu tố địa lý chính trị.

Vấn đề chúng tôi nêu lên là một mảng văn học bị bỏ quên vì không biết đến (8) và bị bỏ qua, vì có biết nhưng do một đánh giá phê phán, nên đã không thèm xét đến.

Giả sử miền Nam hồi 1939-1940 có những Dương Quảng Hàm, Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh, Hoài Chân thực hiện những bộ Văn học sử Việt Nam, Nhà văn hiện đại, Thi nhân Việt Nam, trong đó giới thiệu những nhà văn, nhà thơ ở miền Nam ít ra cũng bằng số lượng các nhà văn, nhà thơ miền Bắc (dĩ nhiên đây là một giả thuyết không thể có, nhưng nêu lên để thử tìm hiểu nguyên nhân tại sao đã không thể có, có lẽ sự kiện bỏ quên, bỏ qua vẫn xảy ra, vì thế điều cốt yếu ở đây không phải chỉ là trình bày, chứng minh mảng văn học có đấy, phong phú về số lượng, mà là có chứng minh được vai trò lịch sử của nó về mặt biểu lộ lòng yêu quê hương, gắn bó với đời hỏi thống nhất đất nước, bảo vệ văn hóa dân tộc, và giá trị nghệ thuật của nó, dựa vào những tiêu chuẩn khác mà thôi. Những người như Phạm Quỳnh đã chỉ chú trọng vào cái phẩm, không phải cái lượng, nghĩa là vào ý nghĩa, giá trị nên không thể chịu thuyết phục nếu bây giờ chúng tôi chỉ làm việc phục hồi mảng văn học này về số lượng...

Chuyện nêu lên là chuyện văn học, nhưng những vấn đề thực sự đặt ra lại không phải văn học, vì đụng đến chuyện Nam Bắc. Chuyện Nam Bắc bắt nguồn từ sự kiện khác biệt giữa các miền, địa phương. Thay vì ghi nhận như thế, nghĩa là công nhận cái riêng biệt của mỗi miền có nguyên nhân, ý nghĩa, giá trị của nó mà không đánh giá hơn, kém, như người ta thường làm trước sự khác biệt về phong cảnh thiên nhiên, khí hậu, về sinh hoạt văn hóa, vật chất, ăn, mặc, ở; nhưng về sinh hoạt văn hóa tinh thần, người ta lại đánh giá hơn kém theo những tiêu chuẩn, lối nhìn của mình, do đó mà có thái độ khinh chê và mặc cảm tự tôn, tự ti. Có lẽ chỉ trong giới ăn học trí thức, mới thấy rõ rệt những thái độ khinh chê, mặc cảm, tự tôn, tự ti. Tuy là số ít, nhưng là thành phần có uy tín, quyền hành tinh thần, chính trị, nên thái độ của họ có tác động đáng kể...

Câu chuyện Nam Bắc thời nào cũng thấy, có điều khi nặng, khi nhẹ, lúc công khai, lúc âm ỉ thôi. Tờ Thanh niên, hồi 1944 nói nhiều về thống nhất ba miền và ngôn ngữ, phong tục đã ghi nhận: *“Tới năm 1925, người Nam Trung và Bắc vẫn còn nghi kỵ và ghét lẫn nhau như thường, tuy đồng bào ở ba nơi đã chung đụng với nhau nhiều rồi. Gân gūi nhau mà cứ coi nhau như người khác nước, cứ hiểu lầm nhau và cứ giữ lèo, giữ lái thời cũng không khác hồi nhà ai nấy ở bao nhiêu”* (10).

Thực ra, ít khi người ta nói lên trên sách báo và chưa bao giờ ai nghĩ đến đem nó ra mà nghiên cứu một cách khoa học, vì đây là điều hầu như là một cấm kỵ; nói ra sợ đụng chạm, mất đoàn kết, tuy trong thực tế hàng ngày người ta vẫn nói, làm điều mất đoàn kết. Tại sao? Người miền Bắc thường được coi là té nhị, kín đáo, khôn khéo, còn người miền Nam là bộc trực hay nói thẳng. Nhưng chính người té nhị, khôn khéo, lại nói, làm những điều mất lòng, nghĩa là vụng về! Tại sao? Theo chúng tôi hiểu, chính vì họ thành thực tin những điều họ nghĩ, nói ra và cho rằng mình không hề có ý xúc phạm đến ai, nên khi họ thấy phản ứng, dễ hiểu lầm kẻ phản ứng có đầu óc kỳ thị, mà không biết chính mình là kẻ có đầu óc kỳ thị trước, vì đã đánh giá hơn kém và có thái độ đối xử thích hợp với lối nhìn đánh giá đó... Kẻ phản ứng, bị nghi ngờ là kỳ thị, mà kỳ thị là một điều không tốt, nên đành phải nhẫn nhục, chịu đựng, mặc dầu vẫn âm ức, bực bội...

Nếu như hai bên đi đến chỗ hiểu được điều nấy: một bên nhận thức được chính mình là kẻ kỳ thị đấy, một bên hiểu rằng người gây ra kỳ thị không biết mình kỳ thị, không cố ý, cố tình gì đâu, vì đây là một thái độ có tính tập thể, vô thức, do những yếu tố địa lý chính trị của một hoàn cảnh sống quy định, thì có thể coi như bắt đầu hiểu nhau rồi, cũng là người Việt Nam cả, nhưng sống ở Bắc thì nghĩ thế này, và sống ở Nam thì nghĩ thế kia; nếu người miền Bắc vào ở lâu trong này cũng sẽ nghĩ như người vẫn sống ở miền Nam và ngược lại. Nếu một lối nhìn do những yếu tố địa lý chính trị của mỗi vùng quy định, vượt khỏi ý đồ cá nhân, nghĩa là do tính khách quan thì có thể tìm hiểu được một cách khoa học và rút ra những quy luật. Vấn đề quan hệ giữa con người và vùng đất mới tạo ra một lối nhìn, thái độ sống có những đặc điểm khác với lối nhìn, thái độ sống của con người ở vùng đất cũ không phải là một trường hợp cá biệt chỉ thấy ở Việt Nam, mà còn ở nhiều nơi khác như Mỹ châu và Âu châu, Anh và Úc, Tân Tây Lan v.v...

Chẳng hạn, người Âu châu thường chê người Mỹ không có văn hóa hoặc văn hóa ấu trĩ, trái lại, người Mỹ chê người Âu Châu, nhất là người Pháp, không thể làm kinh tế phát triển được, dù tả hữu gì lên cầm quyền cũng vậy thôi, vì tả hữu đều giống nhau cùng có những thiên kiến về văn hóa, ngăn cản óc sáng tạo, khả năng thích nghi với thực tế... Người Anh chê giọng Mỹ, Úc, Tân Tây Lan, chỉ giọng Luân Đôn mới là tiếng Anh chính cống mà thôi v.v... Có điều giữa những nước trên, chỉ có những thiên kiến vậy thôi, không có những căng thẳng đụng độ hàng ngày vì phải chung sống với nhau trong một biên giới quốc gia”.

*Hết trích dẫn.*



## Chú thích

- (1) Theo bản của Trung tâm học liệu xuất bản, Saigon 1968, trang 425.
- (2) Evolution de la littérature et de la pensée vietnamienne depuis l'arrivée des français jusqu'à nos jours (1865-1946), Editions Tao Đàn, Huế. Imp. de l'Union Nguyễn Văn Cừ, SAIGON 1949.
- (3) Collection UNESCO, Introduction aux littératures orientales. G. Maisonneuve et Larose. Paris 1969.
- (4) Quỳnh Lâm, hiên văn nghệ, xuất bản, Saigon, 1970
- (5) Tiếng cụ ở Bắc, như tiếng Bác trong Nam.
- (6) Văn - (Saigon) Tưởng niệm Hồ Biểu Chánh số 80 - 15-4-1967.
- (7) Không phải những học giả khác ở Bắc Hà đều đánh giá Trương Vĩnh Ký như Phạm Quỳnh, không kể Lê Thanh đã vào Saigon để tìm tài liệu biên soạn một cuốn về TVK (Phổ thông chuyên san, Tân Dân xuất bản, Hà Nội 1943), chỉ cần nhắc tới bài biên khảo dài, rất nghiêm túc và khách quan, khoa học của cụ Nguyễn Văn Tố mà cho đến nay rất ít người biết đến, đăng trong Bulletin de la Société de l'enseignement mutuel au Tonkin, Tome XVII. 1937. Chỉ những người cỡ cụ Tố mới có khả năng phê bình Trương Vĩnh Ký về nho học, văn học cổ Việt Nam (chữ nho, chữ nôm, quốc ngữ) về mặt chú thích, hiệu đính, về ngôn ngữ học... Bây giờ chúng ta có làm, mỗi người có thể chỉ làm được một mặt, và có lẽ không hơn gì cụ Tố. Tam Lang, "Cuộc đời làm văn, làm báo" Nghiên cứu Văn học (Saigon), số 4-6-1971, trang 35. Thực ra, ngay mảng văn học ở miền Bắc thời kỳ này, nhiều tác giả cũng bị bỏ quên, như trường hợp tiểu thuyết trinh thám: không phải đến Phạm Cao Cung, Thế Lữ mới có tiểu thuyết trinh thám, mà đã có những tác giả đi trước Thế Lữ, Phạm Cao Cung từ 10 năm trước như: Nguyễn Trọng Dương "Chết sông thuyền quỳên", truyện trinh thám, Hanoi Imp. Nghiêm Hàn 1923 154 trang. Phải chăng vì người ta đã chỉ căn cứ vào Vũ Ngọc Phan, rồi người nọ cứ nói theo người kia, thế thôi, không chịu đi tìm những nguồn khác?
- (8) Thanh niên số 32 ngày 22-4-1944 Saigon, do ông Huỳnh Tấn Phát chủ nhiệm. Xem "Chữ, văn quốc ngữ" Nguyễn Văn Trung, Cuốn sổ bình sanh của Trương Vĩnh Ký của Nguyễn Sinh Duy, Phạm Lon.

